

Bản án số: 17/2021/HS-ST.

Ngày: 22/4/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà N. T. D.

2. Ông Đ. H. L.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS, ngày 25 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N. V. T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/02/1996, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm biển; Con ông: N. K và bà: M. T. T; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 30/01/2021 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* *Người bị hại:*

- Bà N. T. H; Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: thôn T, TT. V, huyện V, tỉnh B. (*Vắng mặt*).

**Người làm chứng:*

- Anh N. T; Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B.(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/01/2021, chị N.T.H (Sinh năm 1989) ở thôn T, thị trấn V, huyện V, tỉnh B điều khiển xe mô tô hiệu Dream, biển số 75X5-5857 đến nhà anh N.T (Sinh năm 1983) ở thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B. Trong lúc anh N.T, chị N.T.H đang ngồi chơi tại nhà N.T cùng một số người bạn của N.T thì có N.V.T em ruột của N.T ở cùng thôn đến gây gổ với anh N.T và chị N.T.H do N.V.T và N.T có mâu thuẫn trước đó. Lúc này khoảng 17h cùng ngày, chị N.T.H thấy vậy nên điều khiển xe mô tô đi về. Khi đến đoạn đường bê tông gần khu vực gò U, thuộc thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B thì N.V.T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu trắng đen biển số kiểm soát 71E1- 854.82 đuổi theo vượt lên chặn ép xe mô tô của chị N.T.H vào lề đường. Chị N.T.H dừng xe bước xuống hỏi ông làm gì vậy thì N.V.T không trả lời mà đi đến gần dùng tay tát vào mặt chị N.T.H hai cái. Chị N.T.H hoảng sợ, bỏ chạy qua phía bên kia đường vào khu đất trống thì N.V.T tiếp tục đuổi theo dùng một tay nắm cổ áo, một tay đánh vào người chị N.T.H làm N.T.H ngã xuống đất; thấy chị N.T.H đeo trên người 01 túi xách da nên N.V.T dùng tay giật mạnh làm 01 bên móc khóa túi xách bị gãy nên N.V.T đã lấy được túi xách của chị N.T.H rồi lên xe tẩu thoát. Khi về nhà, N.V.T kiểm tra trong túi xách có 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung A11, 01 điện thoại nhãn hiệu Itel và tiền mặt 1.000.000^d. N.V.T để túi xách và điện thoại ở nhà còn số tiền thì lấy tiêu xài cá nhân.

Ngày 08/02/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A đã kết luận:

- 01 (một) túi xách da nữ màu nâu, có kích thước dài x rộng x cao là (21x5x13) bị đứt dây đeo, bung chỉ tại một đầu của khóa kéo (kèm theo 01 dây đeo của túi xách dài 122cm bản rộng 1cm) tại thời điểm bị cướp có giá 250.000^d.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Samsung A11 có vỏ màu đen, tại thời điểm bị cướp có giá 2.300.000^d.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel, có vỏ màu đỏ đen, tại thời điểm bị cướp có giá 100.000^d.

Tổng giá trị tài sản N.V.T đã chiếm đoạt là 3.650.000^d bao gồm: Tiền 1.000.000^d và tài sản để định giá là 2.650.000^d.

Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã thu giữ và xử lý các vật chứng như sau:

- Trả lại cho chị N.T.H: 01 túi xách da màu nâu; 01 dây đeo của túi xách; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Samsung A11 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu đỏ đen.

- Chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện A tạm giữ chờ xử lý: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius có biển số kiểm soát 71E1- 854.82 của N.V.T

- Về dân sự: Gia đình N.V.T đã bồi thường cho chị N.T.H 1.000.000^d. Sau khi nhận lại tài sản và được bồi thường, chị N.T.H không có yêu cầu gì về phần dân sự và có đơn đề nghị miễn truy cứu TNHS đối với N.V.T.

Tại bản cáo trạng số:12/CT-VKS, ngày24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N.V.T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N.V.T về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, xử phạt bị cáo N.V.T với mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo N.V.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, biên bản bắt giữ người và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Xuất phát từ việc có mâu thuẫn từ trước nên khi biết chị N.T.H đến nhà anh N.T chơi, N.V.T đã đến nhà anh N.T để gây gổ. Sau khi chị N.T.H sợ, điều khiển xe mô tô đi về thì N.V.T đã điều khiển xe mô tô của mình đuổi theo, đến đoạn đường vắng, N.V.T đã chặn xe mô tô của chị N.T.H dừng lại và dùng tay đánh nhiều cái vào người chị N.T.H làm chị N.T.H hoảng sợ bỏ chạy vì không thể chống cự được, N.V.T đã tiếp tục đuổi theo đánh chị N.T.H ngã xuống đất rồi giật lấy túi xách của chị N.T.H đang đeo trên người rồi tẩu thoát vào lúc 17h ngày 29/01/2021 tại thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B. Tổng giá trị tài sản N.V.T đã cướp được là 3.650.000^d.

Hành vi của N.V.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương gây xôn xao dư luận trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N.V.T về tội: “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo N.V.T phạm tội: “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo N.V.T là một thanh niên đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức để điều khiển hành vi của mình nhưng vì những mâu thuẫn nhỏ cho rằng chị N.T.H đến nhà lợi dụng anh mình là N.T nên khi biết chị N.T.H đến nhà N.T chơi đã tìm cách gây gổ. Sau đó đuổi theo chị N.T.H dùng vũ lực để khống chế và cướp tài sản của

người khác trái pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Xét thấy bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường trả lại tài sản để khắc phục hậu quả tốt, người bị hại cũng có đơn rút yêu cầu và đề nghị không truy cứu TNHS nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố để tạo điều kiện cho bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật mà phấn đấu học tập, cải tạo tốt để sửa chữa sai lầm sớm hòa nhập với cộng đồng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường và nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô 71E1- 854.82 của bị cáo đã sử dụng trong quá trình phạm tội, lẽ ra cần tịch thu tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội chỉ là do bộc phát, hậu quả vụ án cũng đã được khắc phục tốt, chiếc xe là phương tiện bị cáo sử dụng để lao động, do đó xem xét trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo N.V.T phạm tội: “Cướp tài sản”.

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N.V.T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 30/01/2021.

[3]. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[3.1]. Trách nhiệm dân sự: Không.

[3.2]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho N.V.T 01 xe mô tô 71E1 – 854.82 và giấy đăng ký chiếc xe mô tô.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo N.V.T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A(02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L

